

# Các quy định cơ bản về quyền tư pháp trong Hiến pháp của giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam

Lê Văn Cẩm, Trịnh Tiến Việt\*, Nguyễn Khắc Hải

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội,  
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 22 tháng 03 năm 2011

**Tóm tắt.** Bài viết đã làm sáng tỏ tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh về bản chất của nhà nước và pháp luật Việt Nam kiểu mới và nhận thức-khoa học về vấn đề này; thực trạng của Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi lần thứ 1) hiện hành, đồng thời đưa ra những kiến giải lập pháp cụ thể đối với Dự thảo 03 Hiến pháp sửa đổi (lần thứ 2) và một số quy định cơ bản về quyền tư pháp (trên cơ sở mô hình tổ chức bộ máy quyền lực Nhà nước theo ba nhánh) trong Hiến pháp của giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam.

## 1. Đặt vấn đề

1. Từ trước đến nay những vấn đề bảo vệ Hiến pháp (BVHP) để sao cho nhà nước và pháp luật kiểu mới của Việt Nam sau Cách mạng tháng 8/1945 thực sự đạt được ba (03) đặc tính cơ bản là của *nhân dân* (1), *dân chủ* (2) và *pháp quyền* (3) luôn là ước mong của Chủ tịch Hồ Chí Minh, khát vọng muôn đời của nhân dân ta và cũng chính là chủ trương của Đảng. Chẳng hạn: 1) Nghị quyết 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị “Về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020” đã xác định nhiệm vụ của hệ thống pháp luật quốc gia trong thời kỳ này là hoàn thiện “cơ chế bảo vệ luật và Hiến pháp”; 2) Đại hội Đảng lần thứ X (năm 2006) lần đầu tiên đã đưa ra luận điểm mới rất dân chủ và tiến bộ là “Xây dựng cơ chế *phán*

quyết về những vi phạm của Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp” [1] và; 3) Đại hội Đảng lần thứ XI (năm 2011) vừa qua cũng đã lần đầu tiên đưa ra luận điểm chỉ đạo mới rất quan trọng là: “*Nghiên cứu xây dựng, bổ sung các thiết chế và cơ chế vận hành cụ thể để bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân...; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp*” và “*Khẩn trương nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992...*” [2]. Do đó, trong giai đoạn xây dựng một Nhà nước pháp quyền (NNPQ) đích thực của dân, do dân và vì dân ở Việt Nam hiện nay việc nghiên cứu để làm sáng tỏ về mặt lý luận những vấn đề liên quan đến các quy định về *bảo vệ Hiến pháp* (BVHP) với việc đưa ra những *kiến giải lập pháp* (KGLP) cụ thể trong Hiến pháp sửa đổi (HPSĐ) rõ ràng là có ý nghĩa khoa học-thực tiễn quan trọng thể hiện trên một loạt các bình diện chính sau đây:

\* Tác giả liên hệ. ĐT: 84-4-37547512.  
E-mail: viet180411@yahoo.com

1.1. Trước hết, về mặt *lập pháp*, mặc dù đã trải qua 65 hoạt động với 12 khóa Quốc hội (tháng 11/1946-tháng 5/2011), sau gần 25 năm đổi mới) (kể từ sau Đại hội Đảng lần thứ VI vào tháng 12/1986 và, sau gần 20 năm thi hành Hiến pháp năm 1992 – Đạo luật cơ bản của Nhà nước chính thức ghi nhận Việt Nam là “*Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân*” (Điều 2) nhưng rõ ràng là cho đến hôm nay trong hệ thống pháp luật quốc gia hiện hành vẫn chưa có bất kỳ một văn bản pháp luật (VBPL) nào chính thức ghi nhận: cơ quan Nhà nước nào có “*thẩm quyền bảo vệ Hiến pháp*” (gọi tắt là *bảo hiến*). Nói một cách khác, cho đến nay ở Việt Nam vẫn chưa hề có cơ chế BVHP nào với tư cách là một cơ chế kiểm soát quyền lực (KSQL) Nhà nước *rất quan trọng và hữu hiệu nhất* để tạo ra được sự phối hợp và cân bằng, kiểm tra và chế ước nhau giữa các nhánh quyền lực theo đúng nghĩa của nó – BVHP bằng cơ chế KSQL nhà nước *ngay từ bên trong nội bộ hệ thống quyền lực thông qua một cơ quan chuyên trách của bộ máy công quyền* (vì thực ra Hiến pháp năm 1992 cũng chưa hề đề cập đến các thuật ngữ như: “*KSQL*” hay “*thẩm quyền BVHP*” theo đúng nghĩa của chúng). Bởi lẽ, tìm đọc tất cả các điều khoản trong Hiến pháp này, người ta mới chỉ thấy một số thuật ngữ như: 1) “*Quyền giám sát tối cao*” của Quốc hội đối với “*toàn bộ hoạt động của Nhà nước*” (khoản 4 Điều 83); 2) Quốc hội có thẩm quyền “*Thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp...*” (khoản 2 Điều 84); 3) Ủy ban Thường vụ (UBTV) Quốc hội có thẩm quyền “*Giải thích Hiến pháp*” và “*Giám sát việc thi hành Hiến pháp*” (các khoản 3, 5 Điều 91) và; 4) Chính phủ có nhiệm vụ “*Bảo đảm việc tôn trọng và chấp hành Hiến pháp*” (đoạn 2 Điều 100).

1.2. Hai là, về mặt *chính trị-xã hội*, và có lẽ cũng chính vì sự bất cập như vậy mà Đại hội Đảng lần thứ XI vừa qua lần đầu tiên đã khẳng định luận điểm mới rất tiến bộ và dân chủ (như đã nêu trên). Như vậy, rõ ràng là từ thực tiễn hoạt động của bộ máy quản lý (BMQL) Nhà nước đương đại đã cho thấy, nguyện vọng tha thiết của xã hội và nhân dân ta đang đòi hỏi cấp bách việc sửa đổi-bổ sung lần thứ 2 Hiến pháp năm 1992 hiện hành (*nói chung*) và các quy định

về quyền tư pháp (QTP) và BVHP (*nói riêng*) để sao cho Hiến pháp với tư cách là đạo luật cơ bản của Nhà nước *có tính pháp chế tối thượng (cao nhất)* sau khi được sửa đổi-bổ sung phải được bảo vệ một cách hữu hiệu nhằm loại trừ tình trạng ban hành các VBPL vi hiến, cũng như những hành vi được thực hiện trên cơ sở các văn bản vi hiến đó, đồng thời góp phần ngăn ngừa các xâm phạm các quyền và tự do hiến định của công dân từ phía quyền lực Nhà nước, góp phần xây dựng thành công một NNQP đích thực là *của dân, do dân và vì dân ở Việt Nam*.

1.3. Ba là, về mặt *thực tiễn*, mặc dù tính cấp bách của việc BVHP trong thực tiễn đời sống xã hội đã được Đại hội Đảng lần thứ X đưa ra và chính thức ghi nhận trong văn kiện quan trọng nhất của Đại hội này (như đã nêu trên đây) nhưng từ đó đến nay thì thực trạng của vấn đề này ra sao (?). Khoa học pháp lý (KHPL) nước nhà đã làm gì để phục vụ cho thực tiễn của đất nước (?). Có lẽ đây chính là “*kẽ hở*” và là điều bất cập lớn nhất của kiểu nghiên cứu khoa học (NCKH) “*phòng giấy*” đang tồn tại trong KHPL Việt Nam mà giới luật học nước nhà cần phải sớm khắc phục. Vì rõ ràng là, khác với các ngành KHXH khác (như: triết học, chính trị học, lịch sử, xã hội học hay tâm lý học), cũng như các *chuyên ngành KHPL cơ bản* (như: lý luận hay lịch sử về nhà nước hoặc về pháp luật, xã hội học pháp luật, triết học pháp luật), đã là nghiên cứu về *các chuyên ngành luật thực định trong hệ thống pháp luật quốc gia*, thì ngoài việc làm sáng tỏ về mặt lý luận những vấn đề tương ứng nào đó đã đặt ra) các sản phẩm cuối cùng của nó nhất thiết phải góp phần *phục vụ thiết thực cho thực tiễn lập pháp và áp dụng pháp luật của đất nước* với tư cách là *nhiệm vụ quan trọng nhất-giá trị khoa học chủ yếu hơn cả và là lợi ích cơ bản nhất* mà các nghiên cứu KHPL (nhất là những nghiên cứu đã được Nhà nước hỗ trợ kinh phí hàng tỷ VND từ tiền đóng thuế của nhân dân) cần phải đem lại cho cộng đồng. Vì rõ ràng là trong thời đại ngày nay, trình độ dân trí ở Việt Nam đã tăng lên, *Đảng và Nhà nước, Tổ quốc và nhân dân, thực tiễn hoạt động lập pháp và áp dụng pháp luật của nước ta rất cần các sản*

phẩm NCKH thiết thực để phục vụ cho thực tiễn dưới dạng những KGLP cụ thể đối với từng Phần, Chương, và Điều của các Dự thảo VBPL tương ứng nhất định nào đó để tham khảo - nhìn vào là phân biệt và so sánh được ngay với các VBPL hiện hành, chứ không thể cứ phải “chịu” mãi các sản phẩm NCKH “phòng giấy” (theo lối mòn lý thuyết suông “trên mây”, “trên gió”) khi các sản phẩm đó có đến hàng trăm trang giấy A4 mà không đem lại lợi ích gì cho thực tiễn.

1.4. Và cuối cùng, về mặt lý luận, trong 05 năm qua (bắt đầu từ năm 2006 khi Đại hội X của Đảng đã đưa ra luận điểm mang tính chỉ đạo rất tiến bộ và dân chủ về “Xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp” (như đã nêu trên đây), mặc dù đã có nhiều chương trình và đề tài NCKH cấp Nhà nước được cấp kinh phí để nghiên cứu những vấn đề về Hiến pháp, BVHP, tổ chức bộ máy quyền lực nhà nước (BMQL), v.v... và gần đây, là nghiên cứu về SDHP nhưng cần phải nghiêm túc nhìn thẳng vào sự thật để khẳng định rằng, không hiểu nguyên nhân vì sao (Ví dụ: có thể do việc đưa ra những KGLP cụ thể cho phù hợp với nội dung của các ý tưởng trong từng Khoản, Điều, Chương hoặc/và Phần khi soạn thảo các VBPL là rất khó và phức tạp; do trình độ nghiên cứu và kỹ thuật lập pháp hạn chế; do thời gian và kinh phí được cấp chủ yếu dành nhiều cho các chuyến đi “tìm hiểu”, “khảo sát”, v.v... ở nước ngoài; do ít chịu khó đầu tư thời gian cho lao động khoa học ở trong nước như tìm tòi và khảo cứu, đọc các tài liệu và suy ngẫm để viết, tổ chức các buổi trao đổi, thảo luận hay tọa đàm đi đến tận cùng góc ngách của mỗi vấn đề tương ứng đã được nêu ra, v.v...) nên rõ ràng là cho đến nay trong KHPL nước nhà (ngoài những kiến giải lập pháp-KGLP cụ thể mà chúng tôi đã đưa ra) vẫn chưa có bất kỳ một công trình nào (ngoài việc giải quyết về mặt lý luận những vấn đề đặt ra) có thể đưa ra được những KGLP cụ thể đối với: 1) các Dự thảo HPSĐ nói chung, 2) các quy phạm hiến định về quyền lập pháp (QLP) hay quyền tư pháp (QTP) nói riêng hoặc 3) một số VBPL nào đó về BVHP với tư cách là sản phẩm cuối cùng của các kết quả nghiên cứu để đưa ra cho Quốc hội tham

khảo. Chẳng hạn như: 1) Một văn bản Dự thảo Luật nào đó liên quan đến cơ chế BVHP với tên gọi cụ thể của từng Phần, Chương và Điều đầu (?) - không có (!); 2) Một (hoặc nhiều) Dự thảo HPSĐ với cơ cấu chung, cũng như tên gọi cụ thể của từng Phần, Chương và Điều đầu (?) - không có (!); 3) Các phương án cụ thể khác nhau (theo các biểu bảng tương ứng với từng mô hình đề cho mọi người dễ hiểu) của việc tổ chức BMQL nhà nước Việt Nam (theo ba và bốn nhánh quyền lực) trong giai đoạn xây dựng NNPQ đầu (?) - không có (!).

2. Như vậy, những phân tích trên đây không chỉ cho phép khẳng định tính thời sự việc nghiên cứu, mà còn là lý do luận chứng cho tên gọi của bài viết này của chúng tôi. Tuy nhiên, do tính chất rộng lớn, phức tạp và nhiều khía cạnh của những vấn đề đã nêu (vì ngay mỗi vấn đề như: HPSĐ, BVHP, QTP, v.v... đều có thể trở thành một đối tượng NCKH độc lập và được đề cập trong nhiều cuốn sách chuyên khảo khác nhau) nên trong phạm vi bài viết này chúng tôi chỉ cố gắng đề cập đến những vấn đề nào mà theo quan điểm của chúng tôi là cơ bản và quan trọng hơn cả theo hệ thống ba (03) nhóm vấn đề tương ứng với các Mục (§) cụ thể như sau: §1. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh về bản chất của nhà nước và pháp luật Việt Nam kiểu mới và sự nhận thức-khoa học về vấn đề này; §2. Thực trạng của Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi lần thứ 1) hiện hành; §3. Các Dự thảo HPSĐ và những KGLP cụ thể đối với một số quy định cơ bản về QTP trong Hiến pháp của giai đoạn xây dựng NNPQ Việt Nam.

## 2. Nội dung vấn đề

### §1. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh về bản chất của nhà nước và pháp luật Việt Nam kiểu mới và sự nhận thức-khoa học về vấn đề này

1. **Đề dẫn.** Việc nghiên cứu tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh về bản chất nhà nước và pháp luật kiểu mới cho phép khẳng định rằng, ba đặc tính nhân dân (1), dân chủ (2) và pháp quyền (3) chính là nội dung chủ yếu và là bản chất quan trọng nhất của một Nhà nước và pháp luật kiểu

mới sau Cách mạng tháng 8/1945 mà Hồ Chí Minh mong muốn xây dựng ở Việt Nam (và sự thể hiện rõ nét nhất điều này là sự chỉ đạo sáng suốt của Người trong việc soạn thảo ra bản Hiến pháp năm 1946 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (ĐCCH) – Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á). Thiết nghĩ, ba đặc tính cơ bản và *đầy lòng nhân ái đối với nhân dân* này của tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh về nhà nước luôn luôn và cần phải là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong quan điểm của Đảng và Nhà nước, cũng như trong nhận thức-khoa học đối với mỗi một cán bộ, đảng viên *có tâm vì Tổ quốc và nhân dân ta* trong toàn bộ quá trình soạn thảo, sửa đổi và bổ sung các quy định (nói chung), cũng như các quy định về QTP (nói riêng) của HPSĐ lần thứ 2 trong giai đoạn xây dựng NNPQ Việt Nam hiện nay, mà cụ thể là:

1.1. Về đặc tính *nhân dân* – trọn đời mình Hồ Chí Minh luôn mong muốn để sao cho các quy định về Nhà nước và pháp luật của nước Việt Nam mới nhất thiết phải phản ánh rõ nét *chủ quyền của nhân dân* trong toàn bộ các quy định về tổ chức BMQL nhà nước. Vì theo Hồ Chí Minh “Chính phủ ta là Chính phủ của nhân dân...”, “là đầy tớ, công bộc của nhân dân, nghĩa là để gánh vác việc chung cho dân chứ không phải để đè đầu cưỡi cổ dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật”. “Nhân dân có quyền đôn đốc và phê bình Chính phủ... nếu Chính phủ mà có hại cho dân chúng, thì dân chúng phải lật đổ Chính phủ đó”, “Trong bầu trời này không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”, “Đảng ta là Đảng lãnh đạo, nghĩa là tất cả các cán bộ bất kỳ ở cấp nào và ngành nào đều phải là người đầy tớ trung thành của nhân dân”, “Bao nhiêu lợi ích đều phải vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Việc gì có lợi cho dân ta phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân ta phải hết sức tránh”; v.v... [3-9].

1.2. Về đặc tính *dân chủ* – quan điểm xây dựng một Nhà nước và pháp luật dân chủ kiểu mới vì nhân dân luôn luôn là ước vọng của Hồ Chí Minh vì theo Người cần phải có các quy định trong Hiến pháp và pháp luật để thể hiện

trên thực tế *sự tham gia rộng rãi của nhân dân* vào các hoạt động của quá trình tổ chức BMQL nhà nước. Người đã từng khẳng định: “Có phát huy dân chủ đến cao độ thì mới động viên được nhân dân...”, “Nước ta là nước dân chủ. Địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”, “Chính quyền nhân dân lãnh đạo phải dân chủ, thiết thực... và có nhiệm vụ thực hiện tự do dân chủ cho dân chúng”, “Nhân dân là *ông chủ* nắm chính quyền”, nên “quyền phải giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người”, v.v... [3, 9, 10].

1.3. Về đặc tính *pháp quyền* – toàn bộ tư tưởng chủ quyền của nhân dân và dân chủ chỉ theo Hồ Chí Minh chỉ có thể được thực hiện trên thực tế bằng Hiến pháp và pháp luật trong NNPQ nên ngay từ năm 1922 trong tác phẩm “Việt Nam yêu cầu ca” Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Bây xin hiến pháp ban hành; trăm điều phải có thần linh pháp quyền” [8, 11]. Ngoài ra, sinh thời Hồ Chí Minh đã phê phán rất nghiêm khắc các quan chức lười biếng, không chịu học tập để nâng cao năng lực công tác và trình độ chuyên môn là “hạng người nói suông, kiêu ngạo, quan liêu và không có năng lực làm việc”, “chỉ lo khai hội và thảo nghị quyết”, “có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu” nên “không làm việc được, phải thải đi” [10, 12].

**2. Sự nhận thức-khoa học thống nhất và biện chứng đối với vấn đề đang nghiên cứu.** Có thể khẳng định rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh luôn luôn nhận được sự khẳng định bằng các luận điểm mang tính chỉ đạo rất tiến bộ và dân chủ trong một loạt các văn kiện quan trọng Đảng về BVHP (như đã nêu trên). Chính vì vậy, để bắt tay vào nghiên cứu những vấn đề về QTP và BVHP bằng QTP với tư cách là một thiết chế pháp lý quan trọng nhất và hữu hiệu hơn cả để KSQL nhà nước trong giai đoạn xây dựng NNPQ hiện nay ở Việt Nam, thì trước hết chúng ta cần phải có sự nhận thức-khoa học thống nhất và biện chứng về một số vấn đề có tính chất phương pháp luận sau đây:

2.1. *Thứ nhất*, “cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp” mà Đại hội Đảng lần thứ X đã đưa ra chính là cơ chế BVHP theo các nghĩa (khía cạnh) giống nhau như sau: 1) bằng tài

phán, 2) bằng phán quyết của cơ quan tư pháp, 3) bằng tổ tụng tư pháp của Tòa án để đưa ra phán quyết về mặt pháp lý hoặc là, 4) bằng sự phán xét của Tòa án để đưa ra *quyết định* pháp lý; vì điều đương nhiên, đơn giản và dễ hiểu nhất là: thông thường người ta chỉ có thể gọi quyết định của *cơ quan tư pháp* (Tòa án) là *phán quyết*, vì dưới góc độ KHPL khó mà có thể bảo đảm sức thuyết phục khi gọi *quyết định* của cơ quan lập pháp (Quốc hội) hay cơ quan hành pháp (Chính phủ) là “*phán quyết*” được.

2.2. *Thứ hai*, chỉ có cơ chế BVHP bằng QTP một cách thực sự theo đúng nghĩa của nó, thì toàn bộ hoạt động của bộ máy công quyền và các quan chức của bộ máy đó mới có thể tự giác vận hành theo đúng quỹ đạo của Hiến pháp và pháp luật, mới có thể tránh được *sự tha hóa quyền lực* với những nguy cơ không thể chấp nhận được trong một NNQP đích thực mà tất cả những người có lương tâm vì Tổ quốc và nhân dân-vì sự nghiệp xây dựng NNQP đích thực của dân, do dân và vì dân đều phải kiên quyết chống lại: 1) Lạm quyền, vượt quyền hoặc nhược quyền; 2) Dĩ hòa vi quý để bảo đảm an toàn cho địa vị cá nhân (ở đây có thể vì nhiều lý do khác nhau như: thiếu bản lĩnh, có tì vết kiểu “gót chân Asin” nên bị các phần tử xấu không chế, năng lực quản lý kém, trình độ chuyên môn yếu, v.v...); 3) Trong một số lĩnh vực sinh hoạt của đời sống xã hội vẫn còn tồn tại tình trạng là có cơ quan, tổ chức, đơn vị hay cá nhân người có chức vụ cao nào đó đứng trên (ngoài) pháp luật hoặc nằm ngoài sự kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; 4) Sự quan liêu, hách dịch, cửa quyền, thờ ơ-vô trách nhiệm-bàng quan trước những khổ đau-cực nhọc của những người dân lương thiện và nghèo khổ; 5) Tham nhũng, sử dụng công quỹ-tài sản-ngân sách của Nhà nước (do người dân đóng thuế và lao động vất vả làm ra mới có được) vào các mục đích vụ lợi-cá nhân; 6) Lười biếng-không chịu khó học tập-nghiên cứu để tự nâng cao trình độ và tuy năng lực chuyên môn-công tác kém nhưng mưu sinh bằng cấp-danh hiệu hão nên “chạy” theo bằng cấp-chứng chỉ để có được (mà không phải do thực chất) và bợ đỡ-xu nịnh-luôn lợt-mua chuộc cấp trên để thăng tiến; 7) Thoái hóa-biến chất-suy đồi về đạo đức và do

đó, hệ lụy tất yếu dẫn đến là mất lòng tin trong nhân dân, uy tín trong quần chúng rất thấp nên bị đồng nghiệp khinh ghét, v.v...

2.3. *Thứ ba*, bản chất sự tha hóa quyền lực đối với những nguy cơ không thể chấp nhận được đã được phân tích trên đây chủ yếu là do không có cơ chế BVHP bằng QTP theo đúng nghĩa của nó (mà đặc biệt là thiếu sự “kiểm tra và chế ước” nhau giữa các cơ quan của bộ máy công quyền thuộc ba nhánh quyền lực) trong suốt quá trình tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước. Chính vì vậy, khi nâng cơ chế này lên thành nguyên tắc cơ bản của tổ chức và hoạt động của Nhà nước, PGS. TS. Chu Hồng Thanh đã đúng khi viết rằng: “Nhờ có nguyên tắc này mà không có bất kỳ cơ quan nhà nước nào nắm giữ trọn vẹn quyền lực trong tay, không có cơ quan nhà nước nào có thể chi phối hoặc lấn áp hoàn toàn hoạt động của cơ quan khác, đồng thời không có bất kỳ cơ quan, tổ chức nào đứng ngoài hoặc đứng trên pháp luật, nằm ngoài sự kiểm tra, giám sát, kiểm sát từ phía cơ quan khác” [13].

2.4. Và cuối cùng, *thứ tư*, như vậy, trong bài viết này chỉ đề cập đến nội hàm của các quy định về QTP trong HPSD và cơ chế BVHP bằng QTP được nghiên cứu được hiểu theo đúng nghĩa hẹp của vấn đề – “*cơ chế phán quyết về các vi phạm Hiến pháp*” (đúng như tinh thần của Đại hội Đảng lần thứ X) với tư cách là cơ chế KSQL nhà nước từ ngay bên trong bản thân bộ máy quyền lực Nhà nước.

## §2. Thực trạng của Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi lần thứ 1) hiện hành

Khi nghiên cứu các quy định này trong Hiến pháp Việt Nam năm 1992 (với cơ cấu chung gồm 11 Chương và 147 Điều) người ta có thể dễ dàng nhận thấy một số đặc điểm chung và rõ rệt hơn cả như sau:

1. Về các quy định liên quan đến chế độ hiến định của một đất nước – mặc dù đây là một Phần quan trọng của Hiến pháp mà lẽ ra phải có ít nhất là 03 chế định với các lĩnh vực rất quan trọng cần được điều chỉnh về mặt lập hiến, nhưng trong Hiến pháp năm 1992 mới chỉ quy

định có 02 chế định là “*Chế độ chính trị*” (1) và “*Chế độ kinh tế*” (2) với 48 điều, nhưng lại thiếu hẳn một chế độ hiến định cơ bản là “*Chế độ xã hội*” (3) với các lĩnh vực quan trọng liên quan thiết thực đến đời sống xã hội của một quốc gia và lợi ích thiết thực của nhân dân (*văn hóa, nghệ thuật, y tế, bảo vệ môi trường*), cũng như một loạt các đối tượng yếu thế trong xã hội (*phụ nữ, trẻ em, thương binh, cựu chiến binh, v.v...*).

**2. Về các quy định liên quan đến quyền con người và quyền công dân** – mặc dù đây là một trong những giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận chung của nền văn minh nhân loại trong các NNQP mà lẽ ra cần phải được đề cập trong hẳn một Phần của Hiến pháp, nhưng Hiến pháp năm 1992 chỉ quy định vắn vắn trong một Chương V “*Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân*” và cũng còn một số *nhược điểm rất cơ bản và quan trọng* là: 1) Ngay tên gọi của Chương này cũng *chưa chính xác về mặt khoa học và chưa đạt về mặt kỹ thuật lập hiến* khi đã không sử dụng thuật ngữ “*con người*” (vì các quyền con người rõ ràng là khác với quyền công dân); 2) Nếu chỉ quy định các quyền “*cơ bản*” vậy thì các quyền “*không cơ bản*” là các quyền nào và không được ghi nhận trong Hiến pháp hay sao (?); 3) Thiếu hoàn toàn các quy phạm về *các cơ chế pháp lý* (cả quốc gia và quốc tế) để bảo vệ các quyền hiến định này với tư cách là kẻ hở “*chết người*” của Hiến pháp vì nó làm cho các công dân không có kiến thức về pháp luật rất khó tự bảo vệ được các quyền hiến định của mình khi bị xâm phạm (nhất là khi sự xâm phạm đó xuất phát từ phía công quyền); 4) Trong Chương này lẽ ra phải ghi nhận đầy đủ các quyền tự nhiên mà bất kỳ một người nào sinh ra đều *đương nhiên được hưởng* với tư cách là các giá trị xã hội (GTXH) cao quý nhất được thừa nhận chung của nhân loại tiên bộ đã được ghi nhận trong *Bộ luật quốc tế (BLQT) về nhân quyền* với ba văn bản nổi tiếng – Tuyên ngôn thế giới “*Về các quyền con người*” (gọi tắt là “*nhân quyền*”) năm 1948, hai Công ước Liên hợp quốc “*Về các quyền chính trị và dân sự*” và “*Về các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội*” năm 1966 – mà Việt Nam và hầu như các quốc gia thành viên Liên hợp quốc *đã ký và cam kết thực*

*hiện*, thế nhưng trong 33 điều của Chương này thì có đến 30 lần xuất hiện thuật ngữ “*Nhà nước*” (vì một khi đã là quyền tự nhiên của con người thì đương nhiên được hưởng chứ không thể là “*quà tặng*” của bất cứ pháp nhân hay thể nhân nào hết; 5) Có lẽ chính vì vậy mà khi bàn về các quy định trong Chương này, nhà khoa học Luật hiến pháp trẻ tuổi, ThS *Bùi Ngọc Sơn* đã nhận xét như sau: “*khi quy định về quyền của người dân, Hiến pháp Việt Nam hiện hành có khuynh hướng tạo thuận lợi cho Nhà nước nên không có cam kết có thể xác định trách nhiệm của Nhà nước trước công dân*” [14].

**3. Về các quy định liên quan đến tổ chức BMQL nhà nước** – mặc dù đây là các nội dung rất quan trọng của những cơ sở hiến định của một quốc gia, nhưng đọc các quy định này trong Hiến pháp năm 1992 có nhận thấy một loạt các *nhược điểm* về như: 1) Không có sự điều chỉnh về mặt lập hiến quy trình lập pháp, cũng như quy trình miễn nhiệm các chức vụ nhà nước cao cấp do Quốc hội phê chuẩn và do Chủ tịch nước bổ nhiệm là như thế nào (?); 2) Thiếu sự chính xác về mặt khoa học khi không có ranh giới rõ rệt giữa các cơ quan thuộc các nhánh quyền lực nhà nước khác nhau; 3) Không rõ các cơ quan tư pháp là những cơ quan nào vì cả Tòa án nhân dân (TAND) và Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) đều được quy định trong cùng một Chương IX; 4) Thiếu hoàn toàn các quy định về cơ chế KSQL nhà nước (*nói chung*) và cơ chế BVHP (*nói riêng*) để tạo nên sự *phối hợp và cân bằng*, cũng như sự *kiểm tra và chế ước* nhau giữa các nhánh quyền lực nhà nước – *vấn đề cơ bản nhất tạo ra kẻ hở cho sự tùy tiện, hiệu quả thấp và năng lực quản lý nhà nước yếu trong hoạt động của các cơ quan công quyền*.

**4. Về các quy định liên quan đến quy trình lập hiến và hiệu lực của Hiến pháp** – mặc dù đây cũng là phần rất quan trọng mà lẽ ra cần phải được điều chỉnh cụ thể và công khai từng công đoạn trong quy trình *lập hiến* ra sao để toàn thể nhân dân được biết như: soạn thảo (1), sửa đổi (2), bổ sung (3), thông qua (4) và công bố (5) Hiến pháp, nhưng rất tiếc là Hiến pháp năm 1992 chỉ ghi nhận rất sơ sài một công đoạn là khi nào thì Hiến pháp được “*sửa đổi*” (Điều 147).

5. Và cuối cùng, về các quy định liên quan đến cơ chế BVHP – trong khi hai nhánh quyền lực đầu tiên là quyền lập pháp (QLP) và quyền hành pháp (QHP) được Hiến pháp trao cho rất nhiều thẩm quyền để thực hiện sự KSQL đối với nhánh quyền lực thứ ba-quyền tư pháp (QTP), thì ngược lại, không hề có bất kỳ một quy định nào ghi nhận sự KSQL của nhánh QTP đối với hai nhánh quyền lực nhà nước kia.

6. Chính vì vậy mà trong những năm qua nhiều nhà khoa học-luật gia nổi tiếng của nước ta (như: GS.TSKH Đào Trí Úc, GS.TS Trần Ngọc Đường, GS.TS Nguyễn Đăng Dung, PGS.TS Lê Minh Thông, PGS.TS Thái Vĩnh Thắng, PGS.TS Bùi Xuân Đức, ThS. Bùi Ngọc Sơn, v.v...) đã lên tiếng phê phán<sup>(1)</sup>. Đặc biệt có những ý kiến rất thẳng thắn như: 1) “Việc sử dụng quyền lực nhà nước cũng luôn tiềm ẩn khả năng lạm dụng quyền lực, xâm phạm đến quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân”, “bộ máy nhà nước cũng đã bộc lộ nhiều yếu kém và đã xuất hiện nhiều cảnh báo về nguy cơ từ phía các cơ quan nhà nước” của TS. Phạm Văn Hùng [15]; 2) “Nếu tổ chức như hiện nay ở Việt Nam, Quốc hội hay UBTV Quốc hội có hoạt động vi phạm Hiến pháp hay pháp luật thì không có một cơ chế nào để xem xét vi phạm đó” của TS. Ngô Huy Cương [16]; 3) “Việc bảo vệ Hiến pháp ở nước ta không được giao cho một cơ quan chuyên trách mà tất cả các cơ quan trong bộ máy Nhà nước đều có nghĩa vụ bảo vệ Hiến pháp thì hiệu quả và hiệu lực không cao; không đề cao được trách nhiệm bảo vệ Hiến pháp của Nhà nước và

xã hội. Bảo vệ Hiến pháp theo cơ chế hiện hành chủ yếu dựa vào quyền giám sát tối cao của Quốc hội thì có sự lẫn lộn giữa quyền lập pháp và quyền tài phán (tư pháp)” của tác giả Hồng Chanh khi tổng thuật các ý kiến được phát biểu tại Hội thảo khoa học với chủ đề “Cơ chế bảo hiến ở Việt Nam” do Ban Công tác lập pháp của UBTV Quốc hội tổ chức ở tỉnh Nghệ An (TP. Vinh, tháng 5/2005) [17]; 4) “Thời gian qua tình trạng vi hiến xảy ra tuy không phải phổ biến nhưng thể hiện trên nhiều lĩnh vực khác nhau và tính chất, mức độ nghiêm trọng hơn nhất là những văn bản, hành vi xâm phạm lợi ích cá nhân, tổ chức được Hiến pháp bảo vệ mà việc phát hiện chưa kịp thời, xử lý chưa nghiêm gây bức xúc trong dư luận. Làm suy giảm lòng tin của nhân dân, tổ chức phi Chính phủ, người nước ngoài đối với Nhà nước ta, cản trở bước tiến của dân tộc và triển trình hội nhập...” của ThS. Nguyễn Thị Phương [18] và đặc biệt là từ sau Đại hội X của Đảng đến nay trong các sách báo KHPL Việt Nam cũng còn nhiều các ý kiến khác nữa về sự bất cập của thực trạng của quy định hiện hành về BVHP ở nước ta hiện nay<sup>(2)</sup>.

### §3. Các Dự thảo Hiến pháp sửa đổi và những kiến giải lập pháp cụ thể đối với một số quy định cơ bản về quyền tư pháp trong Hiến pháp của giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam

1. Các Dự thảo 1 & 2 HPSĐ. Hơn nửa năm qua (kể từ tháng 11/2010) đến nay, trong một loạt các bài viết đăng trên các trang KHPL chuyên ngành của đất nước chúng tôi đã và đang đề xuất về vấn đề này, mà cụ thể là:

1.1. Dự thảo 1 HPSĐ (với cơ cấu chung + tên gọi cụ thể của 07 Phần, 42 Chương và gồm 190 Điều trên cơ sở tổ chức BMQL nhà nước ba nhánh theo mô hình Quốc hội hai Viện) với tên gọi của Phần thứ năm là “*Những cơ sở hiến định của quyền tư pháp*” (05 Chương với 20 Điều) –

<sup>(1)</sup> Ví dụ như: Nguyễn Đăng Dung. Sự hạn chế quyền lực Nhà nước. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005; Trần Ngọc Đường. Bộ máy nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 1999; Nguyễn Như Phát. Tài phán Hiến pháp và vấn đề bảo đảm quyền công dân trong Nhà nước pháp quyền. Tạp chí Nhà nước & Pháp luật, số 5/2009; Bùi Ngọc Sơn. Tiên cảnh chế độ bảo hiến ở Việt Nam. Trong Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế về bảo hiến. NXB Thời đại. Hà Nội, 2009; Đào Trí Úc, Nguyễn Như Phát (Đồng chủ biên). Tài phán Hiến pháp và vấn đề xây dựng mô hình tài phán Hiến pháp ở Việt Nam (Sách chuyên khảo). NXB Công an Nhân dân. Hà Nội, 2007; Đào Trí Úc, Võ Khánh Vinh (Đồng chủ biên). Giám sát và cơ chế giám sát việc thực hiện quyền lực Nhà nước ở nước ta hiện nay (Sách chuyên khảo). NXB Công an Nhân dân. Hà Nội, 2003; v.v...

<sup>(2)</sup> Ví dụ như: Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế về bảo hiến. NXB Thời đại. Hà Nội, 2009; Đào Trí Úc, Nguyễn Như Phát (Đồng chủ biên). Tài phán Hiến pháp và vấn đề xây dựng mô hình tài phán Hiến pháp ở Việt Nam (Sách chuyên khảo). – NXB Công an Nhân dân. Hà Nội, 2007.

Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 22-tháng 11/2010, tr.11-19.

1.2. Dự thảo 2 HPSĐ (với cơ cấu chung + tên gọi cụ thể **08** Phần, **46** Chương và gồm **200** Điều trên cơ sở tổ chức BMQL nhà nước *bốn* nhánh theo mô hình Quốc hội *một* Viện) với tên gọi của Phần thứ năm là “*Những cơ sở hiến định của quyền tư pháp*” (**05** Chương với **20** Điều) + **08** phương án tổ chức BMQL nhà nước trên cơ sở *ba* và *bốn* nhánh) – Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 12-tháng 6/2011, tr.5-18.

1.3. Dự thảo 3 HPSĐ. Trên cơ sở sự sửa đổi-bổ sung Dự thảo 1 HPSĐ trước đây (vì về cơ bản vẫn giữ nguyên tất cả **07** Phần, **42** Chương và **190** Điều của Dự thảo 1 HPSĐ). Nhưng Dự thảo 3 được đưa ra lần này (theo đúng tinh thần Nghị quyết 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị “*Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*” mà trong Nghị quyết này coi hệ thống các VKS cũng là các cơ quan tư pháp) có bổ sung thêm *một* Chương **36** “*Về hệ thống Viện kiểm sát*” gồm **06** điều (song song với Chương **32** “*Về hệ thống Tòa án*”) vào Phần thứ năm “*Những cơ sở hiến định của quyền tư pháp*” (trước đây gồm 05 Chương và 20 Điều). Mặt khác, Dự thảo 3 có thể được soạn thảo theo 02 phương án tương ứng của việc tổ chức QLP – Quốc hội *một* (hoặc *hai*) Viện nên thực chất, cũng có thể coi là ở đây có hai Dự thảo với những KGLP về *cơ cấu chung* với tên gọi cụ thể của **43** Chương gồm **196** Điều (Xem cụ thể hơn: Các Phụ lục 1 và 2).

**2. Những KGLP cụ thể đối với các quy định cơ bản về QTP trong Hiến pháp của giai đoạn xây dựng NNQP Việt Nam.** Theo quan điểm của chúng tôi, khi soạn thảo các quy định này nhà làm luật cần phải bảo đảm sao cho *QTP thực sự độc lập và có đủ khả năng BVHP hiệu quả nhất để thực tốt cơ chế KSQL nhà nước (nói chung) và sự kiểm tra của QTP đối với các nhánh quyền lực khác (nói riêng)*. Chính vì vậy, dưới đây là những KGLP cụ thể về QTP trong các Dự thảo HPSĐ theo cả *hai* phương án tổ chức BMQL nhà nước – hệ thống VKS *thuộc* nhánh QTP (1) và, *không* thuộc nhánh QTP (2):

## **“Phần thứ năm**

### **NHỮNG CƠ SỞ HIẾN ĐỊNH CỦA QUYỀN TƯ PHÁP**

#### **Chương 31**

#### **Các quy định chung về tổ chức bộ máy tư pháp**

• **Phương án I** (*Nếu coi hệ thống VKS không thuộc nhánh quyền lực thứ ba – QTP*):

#### **Điều... Những nguyên tắc cơ bản của quyền tư pháp**

1. Quyền tư pháp ở Việt Nam chỉ do các Tòa án thực hiện.

2. Những nguyên tắc cơ bản của quyền tư pháp ở Việt Nam là;

a) Quyền tư pháp ở Việt Nam được thực hiện bằng thủ tục tố tụng về hiến pháp, hành chính, hình sự, dân sự và kinh tế (trọng tài) nhằm bảo vệ những cơ sở của chế độ hiến định, nhân thân, các quyền tự và tự do của con người và của công dân, cũng như hòa bình và an ninh của nhân loại.

b) Tôn trọng thực sự tính tối cao của chủ quyền của nhân dân so với chủ quyền của nhà nước trong hoạt động tư pháp để bảo đảm cho hoạt động tư pháp thực sự độc lập vì sự thực thi công lý, công bằng và lẽ phải trong một Nhà nước pháp quyền đích thực của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

c) Tuân thủ nghiêm chỉnh tính pháp chế tối thượng và hiệu quả trực tiếp của Hiến pháp, đồng thời độc lập chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện các chức năng, thẩm quyền được Hiến pháp và luật quy định đối với bộ máy tư pháp.

d) Hợp tác cùng với bộ máy lập pháp, bộ máy hành pháp và bộ máy kiểm sát trong việc thực hiện các chức năng, thẩm quyền của mỗi nhánh để bảo đảm cho cơ chế phân công và cân bằng, kiểm tra và chế ước giữa các nhánh quyền lực được thực thi một cách đồng bộ, thống nhất và có hiệu quả cao trong các lĩnh vực hoạt động Nhà nước vì lợi ích chung của Tổ quốc và nhân dân.

đ) Thực sự công tâm, vô tư, khách quan và không được để cho bất kỳ sự thiên kiến chính trị hay sự tác động của cá nhân hay nhóm người nào có thể làm ảnh hưởng đến hoạt động tố tụng



tư pháp, cũng như sự kiểm tra của nhánh quyền tư pháp đối với nhánh quyền lập pháp và nhánh quyền hành pháp mà Hiến pháp và luật quy định;

3. Các quy định của hệ thống pháp luật quốc gia về tổ chức-hoạt động của bộ máy tư pháp ở Việt Nam phải tuyệt đối tuân thủ và dựa trên các nguyên tắc cơ bản được ghi nhận tại khoản 1 Điều này.

### **Điều... Bộ máy tư pháp**

1. Bộ máy tư pháp bao gồm các cơ quan tư pháp và tạo thành hệ thống *Tòa án* ở Việt Nam.

2. Chỉ có các cơ quan tư pháp mới có thẩm quyền giải quyết và đưa ra phán quyết đối với các vụ việc tố tụng về hiến pháp, hành chính, hình sự, dân sự và kinh tế (trọng tài).

3. Hoạt động của các cơ quan tư pháp là độc lập, chỉ tuân theo Hiến pháp, pháp luật và không phụ thuộc vào bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào.

4. Bất kỳ hành vi (bằng hành động hoặc không hành động) nào nhằm cản trở, tác động hoặc gây ảnh hưởng đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp đều là sự vi phạm nghiêm trọng Hiến pháp và phải bị xử lý nghiêm khắc theo luật định.

• **Phương án II** (*Nếu coi hệ thống VKS cũng thuộc nhánh quyền lực thứ ba – OTP*):

### **Điều... Những nguyên tắc cơ bản của quyền tư pháp**

Về cơ bản vẫn giữ nguyên như nội dung Điều này của *Phương án I* trên đây, nhưng bổ sung thêm từ “*các Viện kiểm sát*” vào khoản 1 và loại bỏ từ “*bộ máy kiểm sát*” ra khỏi điểm d khoản 2, cụ thể là:

1. Quyền tư pháp ở Việt Nam do các *Tòa án* và các *Viện kiểm sát* thực hiện.

2. Những nguyên tắc cơ bản của quyền tư pháp ở Việt Nam là:

a).....

b).....

c).....

d) Hợp tác cùng với bộ máy lập pháp và bộ máy hành pháp trong việc thực hiện các chức năng, thẩm quyền của mỗi nhánh để bảo đảm cho cơ chế phân công và cân bằng, kiểm tra và

chế ước giữa ba nhánh quyền lực được thực thi một cách đồng bộ, thống nhất và có hiệu quả cao trong các lĩnh vực hoạt động Nhà nước vì lợi ích chung của Tổ quốc và nhân dân.

3. Các quy định.....

### **Điều... Bộ máy tư pháp**

Về cơ bản vẫn giữ nguyên nội dung các khoản 3-4 Điều này của *Phương án I* trên đây, chỉ có một số sửa đổi-bổ sung nhỏ nội dung các khoản 1-2 như sau:

1. Bộ máy tư pháp bao gồm các cơ quan *tố tụng* tư pháp tạo thành hệ thống *Tòa án* và các cơ quan *kiểm sát* tư pháp tạo thành hệ thống *Viện kiểm sát* ở Việt Nam.

2. Chỉ có các cơ quan *tố tụng* tư pháp mới có thẩm quyền giải quyết và đưa ra phán quyết đối với các vụ việc tố tụng về hiến pháp, hành chính, hình sự, dân sự và kinh tế (trọng tài).

3.....

4.....

## **Chương 32**

### **Hệ thống Tòa án**

#### **Điều... Địa vị pháp lý và cơ cấu của hệ thống Tòa án**

• **Phương án I** (*Nếu coi hệ thống VKS không thuộc nhánh quyền lực thứ ba – OTP*):

1. Hệ thống Tòa án – các cơ quan tư pháp ở Việt Nam – bao gồm Tòa án Hiến pháp và các Tòa án thẩm quyền chung là những cơ quan xét xử của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa độc lập thực hiện quyền tư pháp theo các thẩm quyền tương ứng do Hiến pháp và luật quy định.

2. Tòa án Hiến pháp là cơ quan tư pháp về hiến pháp duy nhất trong bộ máy quyền lực nhà nước độc lập thực hiện quyền tư pháp bằng hoạt động tố tụng về hiến pháp ở Việt Nam. Tòa án Hiến pháp Việt Nam được tổ chức chỉ một cấp ở Trung ương.

3. Các Tòa án thẩm quyền chung là các cơ quan tư pháp trong bộ máy quyền lực nhà nước, độc lập thực hiện quyền tư pháp bằng hoạt động tố tụng về hành chính, hình sự, dân sự và kinh tế (trọng

tài). Các Tòa án thẩm quyền chung được tổ chức thành bốn cấp bao gồm<sup>(3)</sup>:

- a) Các Tòa án sơ thẩm *vùng*;
- b) Các Tòa án phúc thẩm *khu vực*;
- c) Các Tòa án Thượng thẩm *miền* và;
- d) Tòa án *tối cao*.

• **Phương án II** (*Nếu coi hệ thống VKS cũng thuộc nhánh quyền lực thứ ba – QTP*):

Về cơ bản vẫn giữ nguyên nội dung Điều này của *Phương án I* trên đây, chỉ bổ sung thêm từ “*tổ tụng*” vào đằng sau từ “*cơ quan*” như sau:

1. Hệ thống Tòa án - các cơ quan *tổ tụng* tư pháp.....
2. Tòa án Hiến pháp là cơ quan *tổ tụng* tư pháp.....
3. Các Tòa án thẩm quyền chung là các cơ quan *tổ tụng* tư pháp.....

**Điều... Cơ sở pháp lý của việc tổ chức và hoạt động, của các thẩm quyền và của các đặc điểm tổ tụng của hệ thống Tòa án**

<sup>(3)</sup> Đó chính là 11 Tòa án sơ thẩm *vùng* (Tây Bắc bộ, Đông Bắc bộ, Châu thổ sông Hồng, Hà Nội, Bắc Trung bộ, Trung Trung bộ, Nam Trung bộ, Tây Nguyên, Tây Nam bộ, Đông Nam bộ và TP.Hồ Chí Minh), 05 Tòa án phúc thẩm *khu vực* - I (gồm 02 vùng: Tây Bắc bộ + Đông Bắc bộ), II (gồm 02 vùng: Châu thổ sông Hồng + Hà Nội), III (gồm 02 vùng: Bắc Trung bộ + Trung Trung bộ), IV (gồm 02 vùng: Nam Trung bộ + Tây Nguyên) và, V (gồm 03 vùng: Tây Nam bộ + Đông Nam bộ + TP. Hồ Chí Minh) và 03 Tòa án Thượng thẩm *miền* (tương ứng với 03 Tòa phúc thẩm thuộc TANDTC hiện nay) đặt tại 03 thành phố lớn của miền (Bắc, Trung và Nam) là: Hà Nội, Đà Nẵng và TP.Hồ Chí Minh mà chúng tôi đã đề xuất theo *đúng tinh thần* của Nghị quyết 49/NQ-TW (Xem cụ thể hơn: *Lê Văn Cẩm*. Bàn về hệ thống các cơ quan tiến hành tố tụng và thi hành án trong chiến lược cải cách tư pháp. Tạp chí Kiểm sát, số Xuân 01-tháng 1/2009, tr.36); Thiết nghĩ, đã làm người chấp bút cho Nghị quyết Đảng thì cần phải suy nghĩ thật kỹ trước khi đặt ra tên gọi cho các Tòa án, chứ không nên phi khoa học như vậy vì: 1) Một khi đã là Nghị quyết Đảng thì phải nhất thiết *phải nhất quán*, chứ không nên để xảy ra tình trạng là trong Nghị quyết 49/NQ đã đặt tên như vậy rồi, mà sau đó trong *Kết luận* 79 lại thay tên các Tòa án “*phúc thẩm*” = “*tỉnh, thành phố trực thuộc TW*” và các Tòa án “*thượng thẩm*” = “*cấp cao*” (nhất là từ “*cấp cao*” lại có chữ “*cao*” trùng với TATC); 2) Để tên gọi như trong Nghị quyết 49/NQ thì có gì sai đâu nào (!).

1. Những cơ sở pháp lý của việc tổ chức và hoạt động, của các thẩm quyền và của các đặc điểm tổ tụng của hệ thống Tòa án ở Việt Nam do Hiến pháp và các luật quy định.

2. Trong khi thực hiện hoạt động tổ tụng đối với các vấn đề hiến pháp, hành chính, hình sự, dân sự và kinh tế (trọng tài) thuộc thẩm quyền của mình, các Tòa án ở Việt Nam có quyền viện dẫn trực tiếp các quy định của Hiến pháp với tư cách là Luật cơ bản có hiệu lực pháp lý cao nhất, cũng như của các luật và các văn bản dưới Luật tương ứng khác.

**Điều... Những nguyên tắc cơ bản về tổ tụng tư pháp của các Tòa án**

1. Tổ tụng tư pháp của các Tòa án ở Việt Nam phải tuyệt đối tuân thủ nghiêm chỉnh những nguyên tắc cơ bản sau đây:

- a) Thẩm phán và Hội thẩm bình đẳng, độc lập và chỉ tuân theo Hiến pháp và pháp luật;
- b) Tòa án xét xử tập thể và quyết định theo đa số;
- c) Tòa án xét xử công khai, trừ trường hợp do luật định;
- d) Việc xét xử được tiến hành bằng miệng, trực tiếp và liên tục;
- đ) Bảo đảm tính tối thượng của hiệu lực của Hiến pháp;
- e) Bảo đảm quyền tự do sử dụng tiếng nói, chữ viết dân tộc đối với người không biết ngôn ngữ tiến hành tố tụng;
- f) Bảo đảm sự tranh tụng dân chủ của các bên tham gia tố tụng;
- g) Bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật và Tòa án của các bên tham gia tố tụng.
- h) Bảo đảm quyền có luật sư bào chữa hoặc quyền tự bào chữa của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự, cũng như quyền có luật sư bảo vệ hoặc quyền tự bảo vệ của các bên trong tố tụng phi hình sự.
- i) Nghiêm cấm bất kỳ hành vi (bằng hành động hoặc không hành động) nào nhằm cản trở, tác động hoặc gây ảnh hưởng đối với hoạt động tố tụng của các Tòa án.

2. Các quy phạm và những nguyên tắc tiên bộ được thừa nhận chung của pháp luật quốc tế

về tổ tụng tư pháp là bộ phận cấu thành của pháp luật quốc gia Việt Nam về tổ tụng tư pháp.

### **Điều... Nhiệm vụ của các Tòa án**

1. Nhiệm vụ của các Tòa án ở Việt Nam là:

a) Bảo vệ tính tối thượng, tính pháp chế và hiệu lực trực tiếp của Hiến pháp và của các luật khác trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam;

b) Bảo vệ các quyền và tự do của con người và của công dân được quy định trong Hiến pháp và các luật khác;

c) Bảo vệ các lĩnh vực khác của trật tự pháp luật;

d) Đấu tranh phòng và chống các vi phạm pháp luật;

đ) Góp phần giáo dục công dân và cộng đồng ý thức tôn trọng, tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Hiến pháp và pháp luật trong đời sống hàng ngày.

2. Để thực hiện nhiệm vụ trên và nhằm bảo đảm cho sự độc lập của các Tòa án trong hoạt động thực hiện quyền tư pháp của mình, bên cạnh các quy định của Hiến pháp, các luật khác sẽ quy định những vấn đề liên quan đến tổ chức- hoạt động, trình tự-thủ tục và các đặc điểm tổ tụng đối với từng loại vụ việc tương ứng thuộc thẩm quyền của Tòa án Hiến pháp và các Tòa án thẩm quyền chung ở Việt Nam.

.....

## **Chương 34**

### **Tòa án Hiến pháp**

#### **“Điều... Vị trí của Tòa án Hiến pháp**

Tòa án Hiến pháp (TAHP) Việt Nam là cơ quan kiểm tra Hiến pháp cao nhất trong bộ máy quyền lực Nhà nước Việt Nam, độc lập thực hiện quyền tư pháp bằng hoạt động tổ tụng về Hiến pháp đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền do Hiến pháp và luật quy định.

**Điều 2. Cơ sở pháp lý của việc tổ chức và hoạt động, của các thẩm quyền và của các đặc điểm tổ tụng của Tòa án Hiến pháp**

1. Những cơ sở pháp lý của việc tổ chức và hoạt động, của các thẩm quyền và của các đặc

điểm tổ tụng của TAHP do Hiến pháp và Luật quy định.

2. Trong khi thực hiện hoạt động tổ tụng về Hiến pháp đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình, TAHP có quyền viện dẫn trực tiếp các quy định của Hiến pháp với tư cách là Luật cơ bản có hiệu lực pháp lý cao nhất, cũng như của các văn bản Luật và dưới Luật tương ứng khác.

### **Điều... Nhiệm vụ của Tòa án Hiến pháp**

1. TAHP có nhiệm vụ:

a) Bảo vệ tính pháp chế tối thượng và hiệu lực trực tiếp của Hiến pháp trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam với tư cách là Luật cơ bản của nhà nước có hiệu lực pháp lý cao nhất trong hệ thống pháp luật quốc gia;

b) Bảo vệ các quyền và tự do của con người và của công dân được quy định trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác;

c) Bảo vệ các lĩnh vực khác của trật tự pháp luật;

d) Đấu tranh phòng và chống các vi phạm Hiến pháp;

đ) Góp phần giáo dục công dân và cộng đồng ý thức tôn trọng, tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Hiến pháp và pháp luật trong đời sống hàng ngày.

e) Tuân thủ nghiêm chỉnh những nguyên tắc cơ bản và các quy định về tổ tụng tư pháp đó được ghi nhận trong Hiến pháp và Luật.

2. Để thực hiện nhiệm vụ trên và nhằm bảo đảm cho sự độc lập của TAHP trong hoạt động kiểm tra Hiến pháp, bên cạnh các quy định của Hiến pháp, Luật này quy định những vấn đề liên quan đến tổ chức- hoạt động, trình tự, thủ tục tổ tụng về Hiến pháp và các đặc điểm tổ tụng đối với từng loại vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án Hiến pháp.

### **Điều... Các thẩm quyền của Tòa án Hiến pháp**

1. TAHP có thẩm quyền kiểm tra để xem xét và đưa ra phán quyết dưới hình thức quyết định hoặc kết luận đối với những vụ việc về tính hợp hiến của tất cả các văn bản *quy phạm pháp luật*<sup>(4)</sup> sau đây:

<sup>(4)</sup> Phương án II: Thay thuật ngữ “quy phạm pháp luật” = “luật hoặc dưới luật”.

a) Các Bộ luật, Luật và Nghị quyết do Quốc hội ban hành, cũng như các Pháp lệnh và Nghị quyết do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành;

b) Các Lệnh và Quyết định do Chủ tịch nước ban hành;

c) Các Nghị định do Chính phủ ban hành và các Quyết định do Thủ tướng ban hành, cũng như các Thông tư do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, các Quyết định do Tổng Kiểm toán Nhà nước hoặc Tổng Thanh tra về *nhân quyền* ban hành (và phòng chống tham nhũng cần giao cho hệ thống VKS thực hiện);

d) Các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, các Thông tư do Chánh án TANDTC hoặc Viện trưởng VKSNDTC ban hành;

đ) Các văn bản do các cơ quan chính quyền địa phương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành;

e) Các văn bản dưới Luật do lãnh đạo cấp TW của các tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức xã hội-ngành nghiệp, đơn vị kinh tế hay lực lượng vũ trang nhân dân ban hành;

f) Bất kỳ văn bản nào do các chủ thể nêu tại các điểm từ “a” đến “e” khoản 1 Điều này tự mình (hoặc phối hợp) ban hành;

g) Các Hiệp ước quốc tế, cũng như các văn bản đối Luật khác do người có chức vụ cao cấp nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ Việt Nam ký kết với nước ngoài nhưng chưa có hiệu lực pháp lý;

h) Các điều (khoản) luật đã (hoặc phải) được áp dụng trong trường hợp cụ thể trên cơ sở đề nghị của Tòa án hoặc cơ quan áp dụng điều (khoản) luật tương ứng;

2. TAHP có thẩm quyền kiểm tra để xem xét và đưa ra phán quyết dưới hình thức quyết định hoặc kết luận đối với quy định trong bất kỳ văn bản QPPL nào đã (hoặc phải) được áp dụng trong trường hợp cụ thể mà bị khiếu nại là xâm phạm đến các quyền và tự do hiến định của công dân.

3. TAHP có thẩm quyền giải quyết những vụ việc tranh chấp về phân định thẩm quyền giữa:

a) Các cơ quan nhà nước ở Trung ương (TW);

b) Các cơ quan ở TW với các cơ quan chính quyền địa phương cấp tỉnh, thành phố trực thuộc TW.

4. TAHP có thẩm quyền giải thích Hiến pháp và các Luật của Việt Nam, cũng như các văn bản pháp luật quốc tế khi có mâu thuẫn với các văn bản pháp luật quốc gia.

5. TAHP có thẩm quyền xem xét và đưa ra kết luận về việc tuân thủ đúng (hay không) trình tự do luật định trong việc khởi tố vụ án hình sự, đưa ra cáo trạng hoặc bản án đối với những người có chức vụ cao nhất trong Ban lãnh đạo của đất nước.

6. TAHP có thẩm quyền đưa ra sáng kiến lập pháp đối với những vấn đề có liên quan đến các lĩnh vực tổ chức-hoạt động và tổ tụng thuộc thẩm quyền của mình.

7. TAHP *chỉ giải quyết các vấn đề mang tính pháp lý* và có thể thực hiện các thẩm quyền khác theo quy định của Hiến pháp hoặc của Luật này.

8. Đối với các vấn đề thuộc tổ chức-hoạt động nội bộ thì TAHP Việt Nam tự mình thông qua Quy chế và không được trái với Hiến pháp.

### **Điều... Các bảo đảm cho hoạt động của Tòa án Hiến pháp**

1. Hoạt động của TAHP không bị phụ thuộc vào bất kỳ cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân nào và được bảo đảm bằng sự độc lập về mặt tổ chức-cán bộ, thông tin-xuất bản, chi tiêu tài chính và sử dụng các phương tiện vật chất-kỹ thuật của Nhà nước trong việc thực thi công vụ.

2. Phán quyết dưới hình thức quyết định hoặc kết luận về vụ việc thuộc thẩm quyền xem xét và giải quyết của TAHP được coi là chung thẩm đối với vụ việc tương ứng, có hiệu lực pháp lý cao nhất và bắt buộc đối với tất cả các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị kinh tế, lực lượng vũ trang nhân dân, người có chức vụ và công dân, cũng như bất kỳ pháp nhân hoặc thể nhân nào khác.

3. Bất kỳ sự can thiệp nào (bằng hành vi hoặc bất tác vi) nhằm hạn chế sự độc lập về mặt tổ chức-cán bộ, thông tin-xuất bản, chi tiêu tài chính, sử dụng các phương tiện vật chất-kỹ thuật của nhà nước hay những điều kiện khác đối với hoạt động của TAHP trong việc thực thi công vụ

hoặc nhằm tác động (gây ảnh hưởng) đến việc đưa ra phán quyết của TAHP đều bị nghiêm cấm và xử lý theo luật định.

4. Bất kỳ văn bản nào mà ở các mức độ khác nhau có liên quan đến những vấn đề về tổ chức, hoạt động, thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ, v.v... của TAHP đều không được trái với các quy định trong Hiến pháp và trong Chương này”.

### 3. Kết luận vấn đề

Tóm lại, từ việc nghiên cứu các quy định cơ bản về QTP trong Hiến pháp của giai đoạn xây dựng NNQP Việt Nam có thể đi đến kết luận như sau:

1. *Một là*, theo quy luật chung tất yếu muôn đời rất khoa học về nghiệp báo (nhân-quả) trong cả ba lĩnh vực sinh hoạt tinh thần được thừa nhận chung của nền văn minh nhân loại thuộc thượng tầng kiến trúc xã hội – chủ nghĩa duy vật biện chứng (1), hệ tư tưởng tôn giáo (2) và thế giới tâm linh vô hình (2) – thì bất kỳ một sự cải biến nào (về kinh tế, văn hóa, nghệ thuật, chính trị, pháp luật, công nghệ, v.v...) mang tính đột phá cũng đều để lại những dấu ấn ở các mức độ khác nhau trong ký ức của nhân dân với tư cách là những hệ lụy nhất định trong lịch sử, đồng thời những hệ lụy đó sẽ được các thế hệ hôm nay, cũng như các thế mai sau *đưa ra sự phán xét* theo 02 hướng – tích cực hoặc/và tiêu cực<sup>(6)</sup>.

<sup>(6)</sup> Ví dụ như: *Alain Laurent* (GS Triết học-Phụ trách giảng dạy Trường Cao học Chính trị và Xã hội). Bộ sách giới thiệu những kiến thức thời đại. Lịch sử cá nhân luận (*Phan Ngọc* dịch). NXB Thế giới. Hà Nội, 1999; *Bourguignon A.* Con người không thể đoán trước. Lịch sử tự nhiên của loài người. NXB Trẻ. Hà Nội, 2004; Công bố Dự thảo Báo cáo chính trị của BCHTW Đảng khóa X trình Đại hội Đảng lần thứ XI. Báo “*Pháp luật Việt Nam*” của Bộ Tư pháp, số 259, ngày 16/9/2010; *Vương Dật Châu* (Chủ biên). An ninh quốc tế trong thời đại toàn cầu hóa (sách tham khảo). NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 2004; *Lê Mai Dung*. Bí ẩn của các nhà ngoại cảm, hiện thực và lý giải. NXB Văn hóa-Thông tin. Hà Nội, 2007; *Dominique Folscheid* (GS Trường Đại học Tổng hợp Marne-Il-Valle). Bộ sách giới thiệu những kiến thức thời đại. Các triết thuyết lớn (*Huyền Giang* dịch). NXB Thế giới. Hà Nội, 1999; *Lê Giảng* (Biên soạn). Khoa học với đoán giải tương lai. NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2002; *Paven Khlevnhicôp*. Bỏ giã trong điện Kremli (hay

Vì vậy, dưới con mắt của nhân dân trong phạm vi mỗi quốc gia hoặc toàn thế giới thì một người cầm quyền có thể *muôn đời*: 1) được ca ngợi-kính trọng-yêu quý và tạc tượng để các thế hệ mai sau tưởng nhớ (như: Hồ Chí Minh hay nhà luật học nổi tiếng *Thomas Jefferson* – Tổng thống thứ 3 của Hoa Kỳ, tác giả của *Tuyên ngôn độc lập* Mỹ bắt hủ ngày 04/7/1776,) hoặc là, 2) bị phi nhũ-cấm ghét và nguyên rủa mỗi khi nhắc đến (như: tên độc tài khét tiếng *Adolf Hitle* – kẻ đứng đầu Đảng Quốc xã và nhà nước cực quyền phát xít Đức những năm 30 của thế kỷ XX).

2. *Hai là*, chính vì vậy, chủ trương tiến bộ và dân chủ của Đảng cần được thể chế hóa trong HPSPĐ và trong pháp luật dưới ánh sáng tư tưởng *Hồ Chí Minh*, đồng thời việc sửa đổi Hiến pháp (*nói chung*) và ghi nhận các quy định trong Hiến pháp mới về BVHP (*nói riêng*) theo phương án nào (?) và dựa trên mô hình nào (?) để thực sự mang lại sự phồn vinh và phát triển cho đất nước (không gây thiệt hại cho các quyền của con

chuyện cướp bóc nước Nga). Người dịch: *Nguyễn Văn Tháo*. NXB Công an Nhân dân. Hà Nội, 2002; *Lieban R.W.* Ma thuật và thuật phù thủy ở Philipin. NXB Văn hóa-Thông tin, 1999; Liên hợp quốc công bố chỉ số HDI: Việt Nam đứng thứ 116. Trong báo Pháp luật TP.Hồ Chí Minh, số 272, ngày 6/10/2009; *Leonid Mlechin*. Bí mật về Adolf Hitler và các chiến hữu (Người dịch: *Đỗ Hương Lan, Đăng Quốc*). NXB Công an Nhân dân. Hà Nội, 2009; *Mondasep E.* Bức thông điệp bi thảm của cô nhân. NXB Thế giới. Hà Nội, 2004; *Moody R.A.* Sự sống sau cái chết. NXB Văn hóa-Thông tin. Hà Nội, 1998; *Đoàn Xuân Muợu*. Chúng ta là ai (Sách tham khảo). NXB Thanh niên. Hà Nội, 2010; *Anh Phương*. Hội chứng Domino của “Cách mạng hoa nhài”. Trong Báo Giáo dục & thời đại (Cơ quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Thứ ba, ngày 8/3/2011, số 38; *Thích Chân Quang*. Nghiệp và kết quả. (Có chỉnh sửa và bổ sung). Ấn phẩm của chùa Phật Quang, 2001; (In lần thứ II, có chỉnh sửa và bổ sung). NXB Tôn giáo. Hà Nội, 2009; *Baıld. T. Spalding*. Cuộc đời bí ẩn của các pháp sư Tây Tạng. (Người dịch: *Nguyễn Văn Sự*). NXB Từ điển Bách khoa. Hà Nội, 2009; *William L.Shirrer*. Sự trỗi dậy và suy tàn của Đế chế thứ ba-Lịch sử Đức quốc xã. (Diệp Minh Tâm dịch từ tiếng Anh). NXB Trí Thức. Hà Nội, 2007; *Đan Thiên*. 12 chòm sao & đời người (Người dịch: *Nguyễn Thị Hà*). NXB Đà Nẵng, 2008; Trí tuệ phương Đông ngàn năm. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. Hà Nội, 2008; *Đào Trọng Thi*. Diễn văn khai mạc Hội thảo Quốc tế về Việt Nam học lần thứ II với chủ đề “*Việt Nam trong xu thế hội nhập và phát triển*” (TP.Hồ Chí Minh, ngày 14-16/7/2004); v.v...

người và của công dân) – chính là một công việc *đầy trọng trách* trước Tổ quốc, nhân dân và các thế hệ mai sau mà chúng ta-những người thuộc các thế hệ hôm nay cần phải *tự suy ngẫm bằng trí tuệ của mình để lựa chọn chính xác một phương án tối ưu và khả thi hơn cả*. Do đó, việc đầu tư thời gian để nghiên cứu một cách thấu đáo-kỹ càng, đồng thời biết lắng nghe ý kiến và sự phản biện (có thể là trái chiều nhưng *với tâm thiện vì lợi ích chung của Tổ quốc và nhân dân*) của dư luận xã hội (nói chung) và giới khoa học-trí thức (nói riêng) để từ đó *đưa ra một quyết sách đúng đắn và hợp với lòng dân, đồng thời tạo được sự đồng thuận trong xã hội là điều rất quan trọng* của tất cả những nhà cầm quyền *anh minh và sáng suốt*.

3. Và cuối cùng, *ba là*, chúng ta có quyền hy vọng rằng, hiện nay bằng nhiều chương trình và các đề tài NCKH cấp Nhà nước đã được cấp kinh phí hàng tỷ đồng các nhà khoa học-luật gia và các chuyên gia pháp lý là các thành viên của

các chương trình và các đề tài đó sẽ xứng đáng với đồng tiền của Tổ quốc và nhân dân mà Nhà nước đã cấp cho nhất định sẽ đưa ra cho Đảng và Nhà nước tham khảo *các sản phẩm cuối cùng với tư cách là các kết quả nghiên cứu khoảng vài chục phương án khác nhau về những KGLP cụ thể của các Dự thảo* 1) Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi lần thứ hai) nói chung hoặc 2) các quy phạm hiến định về tổ chức BMQL nhà nước nói riêng. Còn về phía mình, trong khuôn khổ bài viết này, trên cơ sở một số suy ngẫm ban đầu chúng tôi chỉ dám mạo muội và khiên tốn đề xuất những KGLP của 1) một Dự thảo 3 HPSĐ năm 1992 (lần thứ hai) và 2) các quy định cơ bản về QTP trong HPSĐ (theo cả 02 phương án – coi hệ thống VKS thuộc và không thuộc nhánh QTP) để các đồng nghiệp cùng nhau trao đổi, cũng như để nhân dân thông qua những người đại diện của họ có thêm cơ sở tham khảo và quyết định một phương án nào đó hợp lý hơn cả cho các thế hệ hôm nay và mai sau.

### Phụ lục 1

BẢNG SO SÁNH CÁC QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO 1 HIẾN PHÁP VIỆT NAM (sửa đổi lần thứ 2) trên cơ sở mô hình tổ chức BMQL nhà nước theo *ba* nhánh với Quốc hội *hai* (hoặc *một*) Viện với cơ cấu chung gồm có 07 Phần, 43 Chương và 196 Điều<sup>(1)</sup> TRONG TƯƠNG QUAN VỚI CÁC QUY ĐỊNH CỦA HIẾN PHÁP NĂM 1992 HIỆN HÀNH

STT	Nội dung được quy định	Theo Mô hình lý luận của Dự thảo 3 Hiến pháp sửa đổi	Theo Hiến pháp năm 1992 hiện hành
I	Cơ cấu chung	Bao gồm 07 phần, 43 chương và 196 điều	Bao gồm 11 chương với 147 điều
II	Về chế độ hiến định của đất nước	Đây là các quy định trong <b>Phần thứ nhất</b> " <i>Những cơ sở hiến định của chế độ chính trị, chế độ kinh tế và chế độ xã hội</i> " gồm có 11 Chương với 60 điều – Chương 1 " <i>Chế độ chính trị</i> ", Chương 2 " <i>Chế độ kinh tế</i> ", Chương 3 " <i>Chế độ xã hội</i> ", Chương 4 " <i>Giáo dục-đào tạo</i> ", Chương 5 " <i>Khoa học-công nghệ</i> ", Chương 6 " <i>Văn hóa-nghệ thuật</i> ", Chương 7 " <i>An ninh-quốc phòng</i> ", Chương 8 " <i>Y tế và bảo vệ môi trường</i> ", Chương 9 " <i>Phụ nữ và trẻ em</i> ", Chương 10 " <i>Thương binh và cựu chiến binh</i> " và, Chương 11 " <i>Một số đối tượng chính sách khác và mà Nhà nước cần phải trợ giúp</i> " (hoặc tùy theo nhà làm luật, cũng có thể không có Chương 11 này).	Chỉ gồm có bảy (07) nội dung và được quy định trong 04 chương với tất cả 48 điều – Chương I " <i>Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam - chế độ chính trị</i> ", Chương II " <i>Chế độ kinh tế</i> ", Chương III " <i>Văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ</i> " và Chương IV " <i>Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN</i> ".
		Đây là các quy định trong <b>Phần thứ hai</b> " <i>Các quyền con người và nghĩa vụ của công dân</i> "	Chỉ đề cập đến thuật ngữ "các quyền <i>cơ bản</i> của công dân"

III	Về các quyền của con người và nghĩa vụ của công dân	có <b>05</b> Chương với <b>40</b> điều – Chương <b>12</b> “ <i>Địa vị pháp lý của cá nhân ở Việt Nam</i> ”, Chương <b>13</b> “ <i>Các quyền con người ở Việt Nam</i> ”, Chương <b>14</b> “ <i>Các cơ chế bảo vệ quyền con người ở Việt Nam</i> ”, Chương <b>15</b> “ <i>Các nghĩa vụ của công dân Việt Nam</i> ” và, Chương <b>16</b> “ <i>Người nước ngoài và người không có quốc tịch ở Việt Nam</i> ”.	(không có từ “ <i>con người</i> ”) và bao gồm một Chương <b>V</b> “ <i>Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân</i> ” với tất cả <b>34</b> điều.
IV ( <i>Với một số thay đổi nhỏ cho phù hợp</i> )	Về nhánh quyền lực lập pháp ( <u>Chỉ thay đổi tên gọi chương 22 trong <i>Dur thảo</i> 1 trước đây đề phù hợp với <i>Dur thảo</i> 3 này. còn trong trường hợp tổ chức Quốc hội một Viện thì mới phải thay đổi tên gọi của hai Chương 18 và 19 cho giống như <i>Dur thảo</i> 2).</u>	Đây là các quy định trong <b>Phần thứ ba “<i>Những cơ sở hiến định của quyền lập pháp</i>”</b> cú <b>08</b> Chương với <b>30</b> điều – Chương <b>17</b> “ <i>Các quy định chung về tổ chức bộ máy lập pháp</i> ” <sup>(2)</sup> , Chương <b>18</b> “ <i>Viện lập pháp-Hạ nghị viện</i> ”, Chương <b>19</b> “ <i>Viện dân biểu-Thượng nghị viện</i> ”, Chương <b>20</b> “ <i>Các Ủy ban của Quốc hội</i> ”, Chương <b>21</b> “ <i>Cơ quan Kiểm toán của Quốc hội</i> ”, Chương <b>22</b> “ <i>Cơ quan Thanh tra về nhân quyền của Quốc hội</i> ”, Chương <b>23</b> “ <i>Quy trình thông qua các đạo luật của Quốc hội</i> ” và, Chương <b>24</b> “ <i>Quy trình miễn nhiệm các chức vụ Nhà nước cao cấp do Quốc hội bổ nhiệm</i> ”.	Chỉ gồm một Chương <b>VI</b> “ <i>Quốc hội</i> ” với vền vền tất cả chỉ có <b>18</b> điều.
V	Về nhánh quyền lực hành pháp	Đây là các quy định trong <b>Phần thứ tư “<i>Những cơ sở hiến định của quyền hành pháp</i>”</b> có <b>06</b> Chương với <b>20</b> điều – Chương <b>25</b> “ <i>Các quy định chung về tổ chức bộ máy hành pháp</i> ”, Chương <b>26</b> “ <i>Chủ tịch nước</i> ”, Chương <b>27</b> “ <i>Hệ thống các cơ quan hành pháp trực thuộc Chủ tịch nước</i> ”, Chương <b>28</b> “ <i>Quy trình miễn nhiệm các chức vụ Nhà nước cao cấp do Chủ tịch nước bổ nhiệm</i> ”, Chương <b>29</b> “ <i>Chính phủ</i> ” và, Chương <b>30</b> “ <i>Hệ thống các cơ quan hành pháp trực thuộc Chính phủ</i> ”.	Chỉ gồm hai Chương với <b>17</b> điều – Chương <b>VII</b> “ <i>Chủ tịch nước</i> ” và Chương <b>VIII</b> “ <i>Chính phủ</i> ”.
VI ( <i>Bổ sung thêm 1 Chương 36 mới</i> )	Về nhánh quyền lực tư pháp ( <u><i>Việc bổ sung thêm một Chương 36 mới là vì theo tinh thần Nghị quyết 49/NQ của Bộ Chính trị về Chiến lược CCTP đến năm 2020 thì các VKSND cũng được coi là các</i></u>	Đây là các quy định trong <b>Phần thứ năm “<i>Những cơ sở hiến định của quyền tư pháp</i>”</b> có <b>06</b> Chương với <b>26</b> điều – Chương <b>31</b> “ <i>Các quy định chung về tổ chức bộ máy tư pháp</i> ”, Chương <b>32</b> “ <i>Hệ thống Tòa án</i> ”, Chương <b>33</b> “ <i>Địa vị pháp lý của thẩm phán ở Việt Nam</i> ”, Chương <b>34</b> “ <i>Tòa án Hiến pháp</i> ” (TAHP) <sup>(3)</sup> , Chương <b>35</b> “ <i>Tòa án Tối cao</i> ” (TATC) và, Chương <b>36</b> “ <i>Về hệ thống Viện kiểm sát</i> ” (mới).	Chỉ cý tất cả <b>10</b> điều trong một Chương <b>IX</b> “ <i>Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân</i> ”.

	<i>cơ quan tư pháp như các TAND)</i>		
<b>VII</b>	Về tổ chức chính quyền địa phương	Đây là các quy định trong <b>Phần thứ bảy</b> “ <u>Những cơ sở hiến định của chính quyền địa phương</u> ” có <b>03</b> Chương với <b>15</b> điều – Chương <b>37</b> “ <i>Các quy định chung về tổ chức bộ máy chính quyền địa phương</i> ”, Chương <b>38</b> “ <i>Hội đồng nhân dân</i> ” và, Chương <b>39</b> “ <i>Ủy ban nhân dân</i> ”.	Chỉ gồm một Chương <b>X</b> “ <i>Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân</i> ” với tất cả chỉ có <b>18</b> điều.
<b>VIII</b>	Về quy trình lập hiến và hiệu lực của Hiến pháp	Đây là các quy định trong <b>Phần thứ tám</b> “ <u>Những cơ sở hiến định của quy trình lập hiến và hiệu lực của Hiến pháp</u> ” có <b>04</b> Chương với <b>05</b> điều – Chương <b>40</b> “ <i>Quy trình soạn thảo Hiến pháp</i> ”, Chương <b>41</b> “ <i>Quy trình sửa đổi và bổ sung Hiến pháp</i> ”, Chương <b>42</b> “ <i>Quy trình thông qua và công bố Hiến pháp</i> ” và, Chương <b>43</b> “ <i>Hiệu lực của Hiến pháp</i> ”.	Chỉ đề cập đến 02 nội dung là “ <i>hiệu lực</i> ” và “ <i>sửa đổi</i> ” Hiến pháp trong một Chương <b>XI</b> “ <i>Hiệu lực của Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp</i> ” với tất cả chỉ có <b>02</b> điều.

Ngoài ra, ở cuối Hiến pháp cần có **Phần cuối cùng** “*Các quy định chuyển tiếp*” với nội dung đề cập đến *hiệu lực tạm thời* của các quy định pháp luật hiện hành và thẩm quyền của một số chức vụ Nhà nước thuộc các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp nếu không trái với các quy định của Hiến pháp năm 1992 (Sửa đổi lần thứ 2).

Ghi chú:

<sup>(1)</sup> Toàn văn những KGLP về Dự thảo 1 HPSĐ (khi chưa bổ sung Chương 36 Phần thứ năm) đó được chúng tôi công bố lần đầu tiên ở Việt Nam tại Tạp chí Nghiên cứu lập pháp của Quốc hội số 22-thông 11/2010, tr.11-19.

<sup>(2)</sup> Toàn văn những KGLP về nội dung cụ thể của 06 điều trong Chương 17 Phần thứ ba đó được chúng tôi công bố lần đầu tiên ở Việt Nam tại Tạp chí Nghiên cứu lập pháp của Quốc hội số 10-tháng 5/2011, tr.11-21.

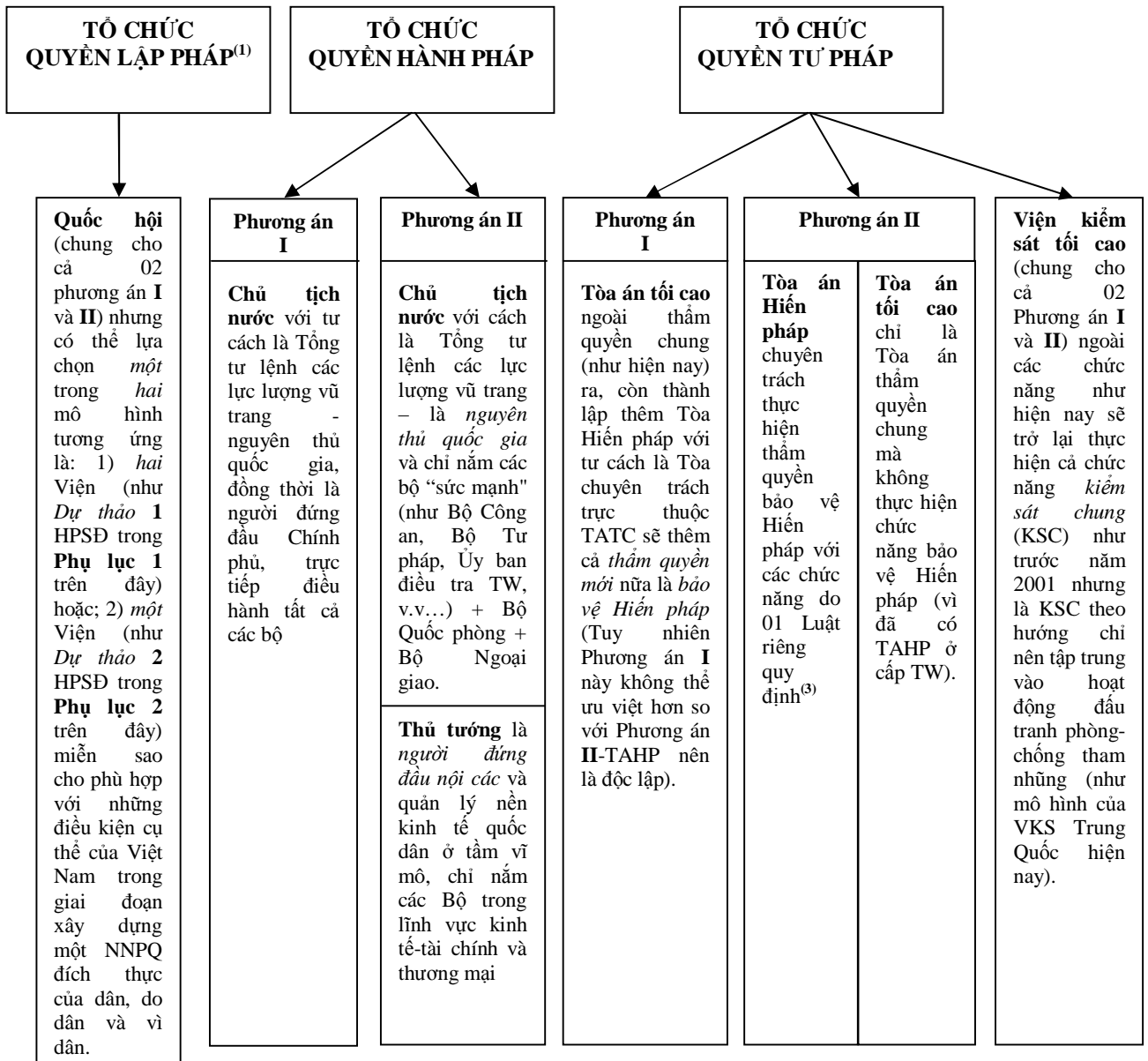
<sup>(3)</sup> Nếu theo Phương án không tổ chức TAHF độc lập (mà chỉ thành lập Tòa Hiến pháp với tư cách là Tòa chuyên trách trực thuộc TATC) thì bỏ Chương này và trong Chương về TATC cần có thêm 01 điều về việc giao thêm cho TATC thẩm quyền bảo vệ Hiến pháp và cụ thể hóa điều này bằng một chức năng cụ thể trong Luật “Về hệ thống Tòa án ở Việt Nam”.



**Phụ lục 2 (I+ II):**

MÔ HÌNH THỨ NHẤT VỚI 2 PHƯƠNG ÁN (I & II) giống nhau về *quyền tư pháp có thêm hệ thống Viện kiểm sát*  
 VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM THEO BA NHÁNH TRONG GIAI ĐOẠN XÂY DỰNG  
 NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN

(Trên cơ sở Dự thảo 1 Hiến pháp năm 1992 sửa đổi lần thứ hai gồm 07 phần, 42 chương và 190 điều)<sup>(1)</sup>



(1), (2) & (3) Như các Chú thích tương ứng ở Phụ lục 1 trên đây.

**Tài liệu tham khảo**

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.
- [3] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 2, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
- [4] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 4, NXB Sự thật, 1984.
- [5] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 7, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.
- [6] Phạm Ngọc Anh, Quan niệm của Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của pháp luật trong quản lý xã hội, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, số 5 (2011) 5.
- [7] Nguyễn Năng Nam, Trịnh Vương Cường, Tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hành dân chủ trong xã hội, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 9 (2011) 6.
- [8] Nguyễn Như Phát, Tài phán Hiến pháp và vấn đề bảo đảm quyền công dân trong Nhà nước pháp quyền, *Tạp chí Nhà nước & Pháp luật*, số 5 (2009) 10.
- [9] Thái Vĩnh Thắng, Tìm hiểu triết học pháp quyền của Chủ tịch Hồ Chí Minh, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 2,3 (2011) 5.
- [10] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.
- [11] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 1, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
- [12] Dương Bá Thành, *Vấn đề kiểm soát quyền lực nhà ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Chính trị học bảo vệ tại Viện Chính trị học thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
- [13] Chu Hồng Thanh, *Vấn đề giám sát thực hiện quyền lực nhà nước ở nước ta*, Trong Sách chuyên khảo: Giám sát và cơ chế giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước ở nước ta hiện nay, Đào Trí Úc, Võ Khánh Vinh (Đồng chủ biên), NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2003.
- [14] Bùi Ngọc Sơn, *Tiền cảnh chế độ bảo hiến ở Việt Nam*, Trong Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế về bảo hiến. NXB Thời đại, Hà Nội, 2009.
- [15] Phạm Văn Hùng, Sự cần thiết phải thừa kế, bổ sung cơ chế tổ chức quyền lực trong Dự thảo Cương lĩnh, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 19 (2010) 7.
- [16] Ngô Huy Cương, *Luật hiến pháp và văn hóa chính trị*, Trong sách: Bàn về lập hiến (Tập thể tác giả do TS Phạm Văn Hùng chủ biên), NXB Lao động, Hà Nội, 2010.
- [17] Hồng Chanh, *Tìm cơ chế bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp*, Trong Bản tin "Luật sư ngày nay" (Bản tin của Đoàn Luật sư Hà Nội), số 6/2005.
- [18] Nguyễn Thị Phương, *Mục đích của bảo hiến trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Trong Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế về bảo hiến, NXB Thời đại, Hà Nội, 2009.

## Essential provisions of the constitution on the rights of justice in the context of buiding rule of Law socialist state of Vietnam

Le Van Cam, Trinh Tien Viet, Nguyen Khac Hai

*School of Law, Vietnam National University, Hanoi,  
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

The article has shed light on human thoughts of Ho Chi Minh about the nature of state and law of Vietnam and a new kind of cognitive science on this issue; the state of the current Constitution of 1992 (revised) and other revised drafts of the Constitution, and also given some legislative insights into the third draft of constitution (2nd) and some basic rules of judicial power (based on the model of the organizational division of state power into three branches) of the Constitution in the stage of construction of the rule of law in Vietnam.